TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1123/2017/DS-PT
Ngày: 12/12/2017
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Liên
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Đức
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

***- Thư ký phiên tòa**:* Ông Lê Đình Quyện – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 11 năm 2017 và 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2017/TLPT- DS ngày 27 tháng 9 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 434/2017/DS-ST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2332/2017/QĐ – PT ngày 19/10/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 5969/2017/QĐ – PT ngày 08/11/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2588/2017/QĐ – PT ngày 08/11/2017 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: 25 T, phường P, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Văn T, sinh năm 1985 – Chuyên viên xử lý nợ (giấy ủy quyền số 2228/2015/UQ – SBank lập ngày 03/6/2015) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: 407/23/10 N, Phường MM, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 407/23/14 N, Phường MM, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1956 (có mặt)

2/ Bà Vương Thị D, sinh năm 1959 (có mặt)

3/ Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ BS, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D có Luật sư Phạm V – Văn Phòng Luật sư P – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/Bà Phan Thị Thùy D1, sinh năm 1980

Địa chỉ: 140/12 L, Phường S, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2013 nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Ngân hàng Đ chi nhánh C và Ông Phạm Văn Q có ký hợp đồng tín dụng số 110010/HĐTD-TDH/CN ngày 10/09/2010. Theo hợp đồng thì ông Q vay Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là 16,35%/năm. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh hàng quý. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; Trả tiền lãi và trả gốc hàng tháng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với đất của ông Q, tọa lạc tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 23, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00514 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Q ngày 29/7/2010.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q không thực hiện đúng theo hợp đồng tín dụng. Toàn bộ số tiền nợ gốc của ông Q đã quá hạn thanh toán và tính đến thời điểm khởi kiện đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã cử cán bộ đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả số nợ gốc là 379.096.781đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2017 là 357.824.047 đồng.

Đối với Bà Phan Thị Thùy D1 là vợ ông Q, theo hợp đồng tín dụng ngày 10/09/2010, thì chỉ mình ông Q là người đi vay, giấy nhận nợ cũng mình ông Q ký. Do đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu mình ông Q trả nợ, không yêu cầu bà Dương phải cùng có trách nhiệm trả.

Bị đơn Ông Phạm Văn Q trình bày:

Ông Q xác nhận có vay Ngân hàng Đ số tiền 500.000.000 đồng, hàng tháng ông vẫn trả tiền đầy đủ cho Ngân hàng. Ông đã đóng được bao nhiêu ông không nhớ. Vào ngày 10/6/2013 Ngân hàng có gửi cho ông qua email một bảng kê gốc lãi và số tiền phải đóng là 147.753.917 đồng (ký ngày 10/6/2013) và một bảng kê gốc, lãi là 139.899.357 đồng (ký ngày 07/6/2013). Cùng một thời điểm mà Ngân hàng thông báo cho ông hai số tiền khác nhau, ông không biết phải thực hiện số tiền nào cho đúng. Điều này thể hiện Ngân hàng làm ăn có tính chất gian lận thương mại.

Về lãi suất vay, theo quy định tại điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy, chỉ có thể áp dụng mức lãi suất tối đa đối với khoản tiền vay là 13,5%/năm. Nhưng phía Ngân hàng đầu tiên đã áp dụng mức lãi suất cho vay là 18,5%/năm là đã vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Số vượt là 6%/năm. Sau đó lại tiếp tục tăng lãi suất lên nhiều lần và đỉnh cao là 22 - 23%/năm. Ông đã nhiều lần yêu cầu Ngân hàng xem xét nhưng không được Ngân hàng giải quyết, nên ông đã ngưng đóng lãi để chờ giải quyết. Theo ông, mức lãi suất như thế là mức lãi suất cho vay nặng lãi, vì đã vượt quá 10 lần so với pháp luật quy định. Ngân hàng hoạt động mang tính chất chuyên nghiệp, có tổ chức, nên việc cho vay nặng lãi của Ngân hàng cũng mang tính chất chuyên nghiệp, có tổ chức. Do đó, ông yêu cầu tuyên bố giao dịch giữa ông với Ngân hàng là vô hiệu do vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội. Đồng thời, ông yêu cầu chuyển cơ quan điều tra, Viện kiểm sát làm rõ để truy tố về tội cho vay nặng lãi theo điều 163 của Bộ luật hình sự năm 1999 và tội hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có theo điều 251 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài ra, khi ông vay tiền, phía cán bộ Ngân hàng là ông Trương Ngọc T2 - Trưởng chi nhánh Quận MM đã lợi dụng chỗ khó của khách hàng về vốn, nên đã yêu cầu ông trích một phần tiền 100.000.000 đồng cho ông T2 vay và cùng đóng lãi suất. Như vậy, số tiền thực tế ông nhận chỉ 400.000.000 đồng. Từ giữa năm 2012 đến nay, ông T2 đã không đóng lãi suất, trốn tránh và không còn làm ở Ngân hàng Đ. Do đó, ông yêu cầu đưa ông T2 vào tham gia vụ án để cùng có trách nhiệm trả nợ.

Ông Q còn yêu cầu triệu tập ông Nguyễn An G, giám đốc chi nhánh C – Người đã ký hợp đồng tín dụng với ông và triệu tập Công chứng viên Lã Phi T3 – Người đã ký hợp đồng thế chấp giữa ông với Ngân hàng vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa ông Q không hợp tác, không trả lời câu hỏi của Hội đồng xét xử cũng như đại diện viện kiểm sát, tự ý rời khỏi phòng xét xử trong phần tranh luận, không tham gia ý kiến trong phần tranh luận. Đồng thời còn la lối, gây rối trật tự phiên tòa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ông Phạm Văn H và Bà Vương Thị D trình bày:

Nhà và đất do Phạm Văn Q thế chấp cho Ngân hàng là của ông H và bà D, nhưng ông, bà để cho con trai là Phạm Văn Q đứng tên. Việc con ông, bà thế chấp căn nhà này cho Ngân hàng thì ông, bà hoàn toàn không biết. Hiện nay ông, bà đang ở trong căn nhà này, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi nhà thì ông, bà không đồng ý. Đồng thời, ông, bà làm đơn trình bày vì lý do già yếu, bệnh tật và nhà ở xa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hoàng T trình bày:

Anh là em trai của Ông Phạm Văn Q, việc thế chấp của ông Q, anh T1 hoàn toàn không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu phát mãi nhà thì anh không đồng ý, vì anh đang ở trong căn nhà này. Đồng thời, anh T1 làm đơn trình bày vì lý do công việc anh không sắp xếp được thời gian đến Tòa án giải quyết, nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Bà Phan Thị Thùy D1 (Vợ ông Q) đã được triệu tập hợp lệ vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn Ông Phạm Văn Q.

Buộc Ông Phạm Văn Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 736.938.828 (Bảy trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi tám ngàn tám trăm hai mươi tám) đồng (bao gồm: 379.096.781 đồng tiền gốc và 357.824.047 đồng tiền lãi) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn trả nợ, nếu ông Q không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất tọa lạc tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 23, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00514 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2010 để thu hồi nợ.

Sau khi ông Q trả hết số nợ gốc và lãi thì Ngân hàng Đ có trách nhiệm hoàn trả lại ông Q bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00514 do Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Q ngày 29/7/2010.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2017 bị đơn Ông Phạm Văn Q có đơn kháng cáo bản án và ngày 14/8/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Vương Thị D có đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ xác định chỉ yêu cầu Ông Phạm Văn Q trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 379.096.781 đồng, tự nguyện không yêu cầu các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký; Ông Phạm Văn H và Bà Vương Thị D là cha mẹ của ông Q, hiện đang sử dụng nhà, đất là tải sản thế chấp tại Ngân hàng, tự nguyện sẽ thanh toán thay cho ông Q số tiền 379.096.781 đồng theo yêu cầu của Ngân hàng và đồng ý việc Ngân hàng sẽ trả lại giấy tờ thế chấp tài sản cho ông Q để chấm dứt nghĩa vụ của ông Q và được đại diện Ngân hàng đồng ý, tuy nhiên sau khi kết thúc phần tranh luận và trước khi nghe Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến thì bà D thay đổi ý kiến là chỉ trả thay cho ông Q khi Ngân hàng trả lại giấy tờ nhà đất cho bà D; Ông Phạm Văn Q cho biết việc ngân hàng tự nguyện không tính lãi phát sinh mà chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc 379.096.781 đồng còn thiếu thì ông Q ghi nhận sự tự nguyện này của ngân hàng, tuy nhiên theo ông thì số tiền nợ gốc còn nợ khoảng 300.000.000 đồng mặc dù chứng từ thanh toán nợ vay cho ngân hàng ông không còn giữ do thất lạc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét

Về việc chấp hành thủ tục giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đầy đủ đúng luật định.

Về nội dung kháng cáo của ông Q về các phần thủ tục tố tụng, Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận do không có cơ sở chấp nhận; về nội dung ghi nhận sự tự nguyện của ông H và Ngân hàng về việc ông H trả nợ thay cho ông Q số tiền 379.096.781 đồng để Ngân hàng trả giấy tờ thế chấp cho ông Q; Do bà D thay đổi ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn Q về các vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm đối với vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ Khoản 4 Điều 236, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ đúng các thủ tục qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông Q.

Xét về nội dung kháng cáo của ông Q đối với số tiền phải trả ngân hàng nợ gốc gần 300.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, xét thấy Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đòi số tiền nợ gốc 379.096.781 đồng căn cứ bản liệt kê số tiền dư nợ gốc nên có căn cứ xác định nợ gốc còn thiếu là 379.096.781 đồng, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Q. Đối với số tiền lãi, mặc dù ông Q kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc

thẩm, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã tự nguyện không yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh chỉ yêu cầu trả nợ gốc 379.096.781 đồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng đối với ông Q.

Xét tại phiên tòa phúc thẩm, ông H tự nguyện trả nợ thay cho ông Q đối với số tiền 379.096.781 đồng và được Ngân hàng đồng ý, ông H đồng ý Ngân hàng trả lại giấy tờ thế chấp tài sản cho ông Q, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của ông H và Ngân hàng.

Xét kháng cáo của bà D yêu cầu được trả thay số nợ trên cho ông Q và được nhận lại giấy tờ tài sản thế chấp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm sau khi thống nhất với ông H và Ngân hàng như nêu trên thì bà D đã thay đổi ý kiến chỉ trả nợ thay khi bà được Ngân hàng giao trả cho bà những giấy tờ tài sản thế chấp, xét thấy tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông Q do ông Q thế chấp để đảm bảo nợ vay của ông Q đối với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D về việc trả giấy tờ tài sản thế chấp cho bà D, việc bà D rút lại yêu cầu tự nguyện trả nợ thay nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận sự tự nguyện của ông H trả nợ thay cho ông Q đối với Ngân hàng.

Trường hợp nếu ông H không thực hiện trả thay thì ông Q phải thực hiện trả số tiền nợ trên, nếu ông H, ông Q không thực hiện thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đang thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm, ông Q phải chịu theo qui định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm, ông Q, bà D không phải chịu, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Q, bà D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ông Phạm Văn Q và Bà Vương Thị D; Sửa bản án dân sự sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của Ông Phạm Văn H trả nợ thay cho Ông Phạm Văn Q số tiền 379.096.781 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm tám mốt đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ để chấm dứt hợp đồng tín dụng số 110010/HDDTD – TDH/CN ngày 10/9/2010. Trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn trả nợ, nếu ông H không thực hiện việc trả nợ thay cho ông Q và ông Q không trả nợ cho Ngân hàng đối với số tiền 379.096.781 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm tám mốt đồng) thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất tọa lạc tại thửa số 272, tờ bản đồ số 23, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00514 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2010 để thu hồi nợ.

Sau khi ông H trả hết số nợ thay cho ông Q hoặc ông Q trả xong số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có trách nhiệm hoàn trả lại ông Q bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00514 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Q ngày 29/7/2010.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H không thực hiện việc trả nợ thay cho ông Q; ông Q phải có nghĩa vụ trả số tiền 379.096.781 đồng trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và nếu ông Q vẫn không thi hành số tiền trên thì ông Q hoặc ông H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất theo Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Q phải chịu là 18.950.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 11.095.000 đồng (Mười một triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 01417 ngày 29/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho Ông Phạm Văn Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0027377 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Bà Vương Thị D số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0027343 ngày 22/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận G;
- Chi cục THADS Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. (20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Liên